

**Phụ lục**  
**ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025**  
**ĐƠN VỊ DỰ TOÁN: VP SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**MÃ SỐ ĐVSDNS: 1090356**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày /3/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Tạo nguồn CCTL	Dự toán được sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Dự toán thu ngân sách nhà nước</b>	<b>90</b>		
	<b>Dự toán thu phí, lệ phí</b>	<b>90</b>		
	Số phí, lệ phí nộp NSNN	90		
	Nguồn thu phí được để lại chi	0		
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>39.431</b>	<b>1.824</b>	<b>37.607</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>5.643</b>	<b>96</b>	<b>5.547</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí giao quyền tự chủ (13-341)</b>	<b>5.611</b>	<b>96</b>	<b>5.515</b>
	1. Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (tính theo tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng)	4.337	0	4.337
	2. Kinh phí hoạt động theo định mức	964	96	868
	3. Tiền lương, tiền công đối với hợp đồng lao động (theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022)	310	0	310
<b>b</b>	<b>Kinh phí không giao quyền tự chủ (12-341)</b>	<b>32</b>	<b>0</b>	<b>32</b>
	Kinh phí tổ chức Đại hội đảng	32	0	32
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>33.788</b>	<b>1.728</b>	<b>32.060</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>b</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>33.788</b>	<b>1.728</b>	<b>32.060</b>
<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác (12-314)</b>	<b>18.880</b>	<b>750</b>	<b>18.130</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>b</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12-314)</b>	<b>18.880</b>	<b>750</b>	<b>18.130</b>

	1. Thuê dịch vụ CNTT hệ thống Quản lý văn bản và điều hành dùng chung của tỉnh	6.740	674	6.066
	2. Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	2.693	0	2.693
	3. Thuê dịch vụ Phần mềm đánh giá chuyên đổi số cho các CQNN tỉnh Quảng Ngãi	290	0	290
	4. Thuê dịch vụ Phần mềm Quản lý nhiệm vụ	1.170	0	1.170
	5. Tập huấn Tổ công nghệ số cộng đồng các địa phương	100	10	90
	6. Chi hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi	250	25	225
	7. Hội nghị triển khai, phổ biến, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, Kiến trúc ICT Đô thị thông minh; nhiệm vụ chi Chuyển đổi số	20	2	18
	8. Kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai chuyển đổi số tại địa phương và một số sở, ban, ngành	40	4	36
	9. Tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi	300	30	270
	10. Triển khai bồi dưỡng, tập huấn về Bộ chỉ số DBI, giới thiệu Hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số cho các doanh nghiệp	51	5	46
	11. Thuê dịch vụ triển khai hoạt động giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC)	1.820	0	1.820
	12. Thuê dịch vụ CNTT Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh (bao gồm kinh phí gói thầu tư vấn lập Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT theo Quyết định số 170/QĐ-STTTT ngày 24/8/2023)	1.977	0	1.977
	13. Thuê dịch vụ CNTT Công dữ liệu mở tỉnh	1.190	0	1.190
	14. Thuê dịch vụ CNTT Nền tảng phòng chống chống mã độc tập trung toàn tỉnh	2.239	0	2.239
<b>2.2</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin (12-171)</b>	<b>14.908</b>	<b>978</b>	<b>13.930</b>

<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>b</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12-171)</b>	<b>14.908</b>	<b>978</b>	<b>13.930</b>
<b>b1</b>	<b>Theo mục tiêu, nhiệm vụ:</b>	<b>10.572</b>	<b>978</b>	<b>9.594</b>
	1. Tổ chức gặp mặt báo chí đầu năm và các cuộc họp báo hàng quý và chuyên đề; giao ban báo chí tháng và Tổ chức Hội báo Xuân	940	14	926
	2. Kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6	1.295	130	1.165
	3. Mua điểm tin về Quảng Ngãi trên báo chí, trang điện tử, mạng xã hội	120	12	108
	4. Tập huấn cho phòng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí; cán bộ truyền thanh cấp huyện trực tiếp làm nhiệm vụ tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị (Theo Kế hoạch 99-KH/TU ngày 04/5/2022 của Tỉnh ủy)	58	6	52
	5. Tổ chức thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025; Tuyên truyền nâng cao các chỉ số của tỉnh (PCI, PAPI, PAR INDEX)	106	10	96
	6. Kế hoạch phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo số 143/BC-HĐND ngày 16/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát hệ thống Truyền thanh cơ sở	67	7	60
	7. Thực hiện Đề án truyền thông về quyền con người	85	9	76
	8. Thực hiện Kế hoạch công tác thông tin đối ngoại và truyền thông chính sách tỉnh Quảng Ngãi	338	34	304
	9. Kinh phí phục vụ thu phí thẩm định văn hóa phẩm, phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính theo Thông tư 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 và Thông tư 291/2014/TT-BTC ngày 15/11/2016	10	1	9
	10. Tổ chức Ngày Sách Việt Nam 21/4 năm 2025 trên địa bàn tỉnh	290	29	261

	11. Thực hiện Chương trình phối hợp trong công tác thông tin, truyền thông và thông tin đối ngoại tại khu vực biên giới biển, đảo	35	4	31
	12. Kinh phí trang phục thanh tra	10	0	10
	13. Cấp Báo Quảng Ngãi cho các điểm bưu điện văn hóa xã	135	14	121
	14. Kinh phí tuyên truyền nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh năm 2025	6.562	656	5.906
	15. Tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2025 - 2030	450	45	405
	16. Thực hiện Nghị quyết 47 về thông tin đối ngoại tình hình mới	71	7	64
<b>b2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với Trung tâm chuyển đổi số tỉnh (12-171)</b>	<b>4.336</b>	<b>0</b>	<b>4.336</b>

**Phụ lục**  
**ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025**  
**ĐƠN VỊ DỰ TOÁN: TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH**  
**MÃ SỐ ĐVSDNS: 1103754**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày /3/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Tạo nguồn CCTL	Dự toán được sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>2.597</b>	<b>260</b>	<b>2.337</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>b</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>2.597</b>	<b>260</b>	<b>2.337</b>
<b>1.1</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin (12-171)</b>	<b>2.597</b>	<b>260</b>	<b>2.337</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>b</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>2.597</b>	<b>260</b>	<b>2.337</b>
	<b>Theo mục tiêu, nhiệm vụ:</b>	<b>2.597</b>	<b>260</b>	<b>2.337</b>
	1. Chi phí quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh chưa tính vào giá dịch vụ sự nghiệp công	723	72	651
	2. Quản trị, vận hành Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ngãi (IOC)	126	13	113
	3. Diễn tập thực chiến an toàn thông tin	600	60	540
	4. Đảm bảo an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 đã được phê duyệt	400	40	360
	5. Chi hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi	100	10	90
	6. Tổ chức thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025	148	15	133
	7. Công tác truyền thông trên các nền tảng số	500	50	450

**Phụ lục**  
**ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025**  
**ĐƠN VỊ DỰ TOÁN: VĂN PHÒNG SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**  
**MÃ SỐ ĐVSDNS: 1081490**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCCN ngày /3/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

**DVT: Triệu đồng**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>Dự toán năm 2025</b>	<b>Tạo nguồn CCTL</b>	<b>Dự toán được sử dụng</b>
<b>A</b>	<b>Dự toán thu ngân sách nhà nước</b>	<b>72</b>	<b>-</b>	
1	Số thu phí, lệ phí, thu SN			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
3	Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	72		
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>14.646</b>	<b>571</b>	<b>14.075</b>
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên theo lĩnh vực Khoa học và Công nghệ</b>	<b>14.646</b>	<b>571</b>	<b>14.075</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>8.337</b>	<b>158</b>	<b>8.179</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí giao quyền tự chủ (13-341)</b>	<b>7.949</b>	<b>129</b>	<b>7.820</b>
	1. Kinh phí tiền lương	6.328	-	6.328
	2. Kinh phí hoạt động theo định mức	1.288	129	1.159
	3. Tiền lương, tiền công đối với hợp đồng lao động (theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022)	333	-	333
<b>b</b>	<b>Kinh phí không giao quyền tự chủ (12-341)</b>	<b>388</b>	<b>29</b>	<b>359</b>
	1. Hoạt động về công tác quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	131	13	118
	2. Hội nghị điển hình tiên tiến 2025 _ Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh (tiết b, khoản 2, Mục II)	9	1	8
	3. Kinh phí chi hoạt động thanh tra KHCCN	138	14	124
	4. Tổ chức tập huấn về các văn bản, quy định pháp luật đối với công tác quản lý nhiệm vụ KHCCN	10	1	9
	5. Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ	84	-	84

	6. Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính (QĐ số 28/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 356/STP-KSTTHC ngày 26/6/2014 của Sở Tư pháp v/v hướng dẫn áp dụng mức chi cho CBVV làm đầu mối kiểm soát TTHC)	16	-	16
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (12-103)</b>	<b>6.309</b>	<b>413</b>	<b>5.896</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12-103)</b>	<b>6.309</b>	<b>413</b>	<b>5.896</b>
	<b>Theo mục tiêu, nhiệm vụ (12-103)</b>	<b>4.949</b>	<b>413</b>	<b>4.536</b>
	1. Kinh phí chi họp Hội đồng KHCN tư vấn xác định nhiệm vụ, tư vấn giao trực tiếp, tư vấn tuyển chọn, thẩm định nội dung tài chính, nghiệm thu nhiệm vụ, họp KHCN; chi phí kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định giá, thông báo tuyển chọn.... các đề tài, dự án KHCN	845	-	845
	2. Kinh phí Kế hoạch hoạt động triển khai ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.	435	44	391
	3. Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	50	5	45
	4. Chương trình tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi 2030.	138	14	124
	5. Đề án hỗ trợ DNNVV (Theo QĐ 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021)	976	98	878
	6. Hội nghị Tổng kết hoạt động phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	45	5	40
	7. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	1.368	137	1.231
	8. Hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia .	40	4	36
	9. Đề án: Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi .	51	5	46

	10. Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi .	59	6	53
	11. Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025.	528	53	475
	12. Kinh phí thực hiện công tác quản lý về HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015.	150	15	135
	13. Kinh phí quản lý công nghệ, thị trường công nghệ	175	18	157
	14. Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng công nghệ sinh học	89	9	80
<b>b</b>	<b>Nhiệm vụ nghiên cứu KHCN (16-103)</b>	<b>1.360</b>		<b>1.360</b>
	1. Nhiệm vụ nghiên cứu KHCN chuyển tiếp	1.360		1.360



**Phụ lục**  
**ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025**  
**ĐƠN VỊ DỰ TOÁN: TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC**  
**CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**MÃ SỐ ĐVSDNS: 1116401**

(Kèm theo Quyết định số 48 /QĐ-SKHCVN ngày 29 /3/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

**ĐVT: Triệu đồng**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>Dự toán năm 2025</b>	<b>Tạo nguồn CCTL</b>	<b>Dự toán được sử dụng</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>3.633</b>	<b>-</b>	<b>3.633</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên ( 13-103)</b>	<b>1.015</b>	<b>-</b>	<b>1.015</b>
	<i>Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên</i>	<i>1.015</i>		<i>1.015</i>
<b>b</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên ( 12-103)</b>	<b>2.618</b>	<b>-</b>	<b>2.618</b>
	<i>Kinh phí nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước</i>	<i>2.618</i>	<b>-</b>	<i>2.618</i>
	1. Xuất bản ấn phẩm KH&CN và phát triển công nghệ của tỉnh	437		437
	2. Thực hiện chuyên mục KH&CN phát trên sóng Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi	642		642
	3. Xây dựng, duy trì và phát triển Cổng thông tin Khoa học và Công nghệ	229		229
	4. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn Đo lường	426		426
	5. Bảo tồn gà H're nhằm cung cấp nguồn giống có chất lượng cho người dân trên địa bàn tỉnh	335		335
	6. Bảo tồn lợn Kiềng sắt nhằm cung cấp nguồn giống có chất lượng cho người dân trên địa bàn tỉnh	549		549